TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2023/DS-ST. Ngày: 12- 12- 2023 V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Bà Hoàng Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS, ngày 06 - 11- 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt".

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; đăng ký thường trú: Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14- 9- 2023, Bản tự khai cùng các lời khai khác tại Toà án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 có mối quan hệ quen biết, làm ăn từ nhiều năm. Do vậy, bà đã cho vợ chồng bà G, ông T1 vay số tiền 2.050.000.000 đồng vào ngày 29- 7- 2022 thể hiện tại “Giấy vay nợ” do chính

tay chị G viết, vợ chồng cùng ký xác nhận và hứa khi bà T yêu cầu thì vợ chồng chị G sẽ trả số tiền này; hai bên thống nhất lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng bà T chưa nhận được lãi. Khi bà T có nhu cầu sử dụng tiền, bà đã nhiều lần tìm gặp vợ chồng bà G, ông T1 để yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà G, ông T1 không trả, không liên lạc với bà để có phương án trả nợ. Nay bà yêu cầu Toà án buộc vợ chồng bà G, ông T1 phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh T1:

Qua xác minh, bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh T1 có nhà ở và cư trú tại Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định nhưng đăng ký thường trú theo địa chỉ Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định đối với bà G, ông T1 nhưng bà G, ông T1 không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa cũng đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh T1 được triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa vì vậy có căn cứ xét xử vắng mặt đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1; buộc vợ chồng bà G, ông T1 có trách nhiệm trả bà Trần Thị T số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 được triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là có cơ sở và phù hợp.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 trả nợ theo Hợp đồng vay tài sản thể hiện tại tài liệu có tiêu đề "Giấy vay nợ" nên xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

[3] Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố dụng dân sự năm 2015 quy định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Nay bà Nguyễn Thị G và chồng là ông Nguyễn Thanh T1 không đưa ra căn cứ chứng minh để phản đối yêu cầu của nguyên đơn bà Trần

Thị T về Hợp đồng vay tài sản sản. Vì vậy, căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản đề ngày 29- 7- 2022 của vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 đối với bà Trần Thị T và các tài liệu, chứng cứ hợp pháp khác, có đủ cơ sở xác định giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 và bà Trần Thị T có xác lập Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng này là hợp pháp. Qua đó, vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 đã vay và chưa trả nợ số tiền gốc là 2.050.000.000 đồng cho bà Trần Thị T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; buộc bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 trả cho bà Trần Thị T số tiền 2.050.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc: Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh T1 phải nộp 73.000.000 đồng. Trả lại bà Trần Thị T 36.500.000 đồng đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000590 ngày 02- 10- 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự: 03 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Lưu: 02 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên